

Số: 14/2020/KPF/CBTT

Tp. Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN

V/v Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

A. THÔNG TIN CÔNG TY

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH
- Mã chứng khoán: KPF
- Mã số thuế: 0103930374
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 17 Tòa nhà Thaiholdings Tower, Số 17 Tông Đản, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại: 0934981818

B. NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường Theo yêu cầu

- Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh vào ngày 14/8/2020 tại đường link Website của Công ty: <http://www.kpf.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Đinh Kim Nhung

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 4
Báo cáo soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ	5 – 6
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét:	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	7 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 – 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 – 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (được đổi tên từ Công ty Cổ phần tư vấn dự án Quốc tế KPF từ ngày 08 tháng 06 năm 2017) thành lập và hoạt động theo Mã số doanh nghiệp số 0103930374 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 09 năm 2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANGMINH FINANCE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: HM FINANCE INVEST.,JSC.

Ngành nghề kinh doanh:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. *Chi tiết:*
- Hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Sản xuất vật liệu từ đất sét: Sản phẩm gạch tuynel;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 17 Tòa nhà Thaiholdings Tower, số 17 Tông Đản, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 180.178.960.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Tương đương với 18.017.896 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Anh Đức	Chủ tịch HĐQT	
Bà Đinh Kim Nhung	Thành viên HĐQT	
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT độc lập	
Bà Lê Thị Mộng Đào	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Ông Nguyễn Việt Tuấn	Thành viên HĐQT độc lập	Bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Bà Trần Thị Dịu Hòa	Thành viên HĐQT	Miễn nhiệm ngày 31/3/2020
Ông Lê Thanh Bình	Thành viên HĐQT độc lập	Miễn nhiệm ngày 31/3/2020

Các thành viên Ban Kiểm soát công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Lâm Thị Mỹ Hà	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Ông Ứng Tông	Trưởng Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 31/3/2020
Ông Lê Đình Minh Hiếu	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Bà Trần Thị Lý	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 31/3/2020
Bà Lê Thị Mộng Đào	Thành viên Ban kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 31/3/2020

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Đinh Kim Nhung Tổng Giám đốc

Người đại diện trước pháp luật của Công ty: Bà Đinh Kim Nhung

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư tài chính Hoàng Minh đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các công ty đại chúng, công ty đại chúng có lợi ích công chúng khác theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ

của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ hoạt động đến ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho kỳ kế toán tiếp theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ Công bố thông tin theo quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC, ngày 06/10/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

T.M. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc



Đình Kim Nhung



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP
TTP AUDITTING LIMITED COMPANY

Số : 323 /BCKT/TC

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

*Về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
của Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh*

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng Quản trị
Ban Tổng Giám đốc
Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh

Chúng tôi Công ty TNHH Kiểm toán TTP, đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh được lập ngày 14 tháng 08 năm 2020 gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 được trình bày từ trang 07 đến trang 34 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và

các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2020 và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TTP

Phó Tổng Giám đốc



Lê Phương Anh

Giấy chứng nhận ĐKHN Kiểm toán
Số: 0739-2018-133-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2020

TÀI SẢN	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		78.508.188.773	64.158.369.235
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	322.242.637	1.145.943.803
1. Tiền	111		322.242.637	1.145.943.803
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		76.902.226.868	61.781.783.241
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	1.861.618.687	3.526.257.487
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	2.961.035.386	2.961.035.386
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04a	69.843.337.286	41.525.337.286
4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.05a	2.236.235.509	13.769.153.082
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.283.719.268	1.230.642.191
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08a	172.307.520	172.307.520
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.013.809.485	960.732.408
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	97.602.263	97.602.263
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		141.780.620.829	141.840.583.763
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		191.538.272	191.538.272
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.05b	191.538.272	191.538.272
II. Tài sản cố định	220		163.786.118	137.151.639
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	99.797.229	137.151.639
- Nguyên giá	222		253.236.364	253.236.364
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(153.439.135)	(116.084.725)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	63.988.889	-
- Nguyên giá	228		65.000.000	-
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(1.011.111)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.07	1.896.034.581	1.896.034.581
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.896.034.581	1.896.034.581
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	139.500.000.000	139.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		139.500.000.000	139.500.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		29.261.858	115.859.271
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08b	29.261.858	115.859.271
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		220.288.809.602	205.998.952.998

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30/06/2020

(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Đơn vị tính : VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.605.490.750	6.016.132.861
I. Nợ ngắn hạn	310		4.605.490.750	6.016.132.861
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	4.365.166.278	4.536.089.734
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	20.455.722	51.218.127
4. Phải trả người lao động	314		197.264.000	428.825.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	22.604.750	1.000.000.000
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		215.683.318.852	199.982.820.137
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	215.683.318.852	199.982.820.137
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		180.178.960.000	180.178.960.000
- Cổ phần phổ thông	411A		180.178.960.000	180.178.960.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(30.000.000)	(30.000.000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		35.534.358.852	19.833.860.137
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19.833.860.137	2.097.809.611
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		15.700.498.715	17.736.050.526
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		220.288.809.602	205.998.952.998

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Người lập



Đinh Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thu Hiền



Đinh Kim Nhung

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm 2020**

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Đơn vị tính: VND	
			6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	-	252.628.085.077
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		-	252.628.085.077
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	-	252.229.121.051
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	398.964.026
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	18.270.321.761	13.002.518.730
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	-	273.250.000
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	273.250.000
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	2.569.425.740	7.964.416.512
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		15.700.896.021	5.163.816.244
11. Thu nhập khác	31	VI.7	-	100.000
12. Chi phí khác	32	VI.8	397.306	569.435
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(397.306)	(469.435)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		15.700.498.715	5.163.346.809
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	1.069.503.249
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		15.700.498.715	4.093.843.560

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đinh Thị Thu Hiền

Đinh Thị Thu Hiền

Đinh Kim Nhung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Theo phương pháp gián tiếp
6 tháng đầu năm 2020

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị tính: VND	
		6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế		15.700.498.715	5.163.346.809
2. Điều chỉnh cho các khoản	01	(18.231.956.240)	(12.492.266.006)
+ Khấu hao tài sản cố định	02	38.365.521	237.002.724
+ (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(18.270.321.761)	(13.002.518.730)
+ Chi phí lãi vay	06	-	273.250.000
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(2.531.457.525)	(7.328.919.197)
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	1.052.707.751	(121.469.978.539)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	-	(469.847.492)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(1.410.642.111)	106.670.877.897
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	86.597.413	794.981
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(273.250.000)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(1.192.297.292)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động KD	20	(2.802.794.472)	(24.062.619.642)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(65.000.000)	
3. Tiền chi cho vay và mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(39.800.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	11.482.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(60.148.826.256)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	60.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	30.362.093.306	15.245.400.046
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.979.093.306	15.096.573.790

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Địa chỉ: Tầng 17 Tòa nhà Thaiholdings Tower,

Số 17 Tông Đản, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

CHỈ TIÊU	Mã số	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
. 1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	66.000.000.000
. 2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(60.000.000.000)
. 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(8.580.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động TC</i>	<i>40</i>	<i>-</i>	<i>(2.580.000.000)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(823.701.166)	(11.546.045.852)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.145.943.803	12.820.387.529
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại t	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	322.242.637	1.274.341.677

Người lập



Đinh Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thu Hiền

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc



Đinh Kim Nhung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020
(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Hoàng Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) (được đổi tên từ Công ty Cổ phần tư vấn dự án Quốc tế KPF từ ngày 08 tháng 06 năm 2017) thành lập và hoạt động theo Mã số doanh nghiệp số 0103930374 đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 09 năm 2019.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: *HOANGMINH FINANCE INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY.*

Tên Công ty viết tắt: *HM FINANCE INVEST., JSC.*

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Tư vấn máy tính và quản trị hệ thống máy tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Hoàn thiện các công trình xây dựng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Sản xuất vật liệu từ đất sét: Sản phẩm gạch tuynel;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 17 Tòa nhà Thaiholdings Tower, số 17 Tông Đản, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty: Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 180.178.960.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm tám mươi tỷ, một trăm bảy mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng ./.). Tương đương với 18.017.896 cổ phần mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

I. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

II. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Kế toán trên máy vi tính.

4. Các thông tin khác

Trong 6 tháng đầu năm 2020, công ty không thực hiện hoạt động thương mại do lo ngại ảnh hưởng của dịch Covid 19 sẽ rủi ro trong việc thu hồi công nợ, dẫn đến nợ quá hạn mà chỉ chú trọng vào dịch vụ đầu tư tài chính. Do vậy, doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2020 giảm đáng kể so với cùng kỳ năm trước; doanh thu tài chính tăng so với cùng kỳ năm trước.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào tài khoản doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

2.1. Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

2.2. Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho: Nguyên vật liệu và hàng hóa được xác định theo phương pháp thực tế đích danh, thành phẩm được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước và hàng hóa được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

2.3. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.4. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là lập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay với số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết dẫn đến năm nay phải lập thêm hay hoàn nhập.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

3.1. Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

3.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ .

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: Căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

4. Nguyên tắc xác định khoản phải thu, phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng:

4.1. Nguyên tắc xác định khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng: Khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải thu đã phát hành hoá đơn tại thời điểm báo cáo, theo hợp đồng xây dựng đã ký qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch.

4.2. Nguyên tắc xác định khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng: Khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng là giá trị khoản phải trả đã nhận được hoá đơn tại thời điểm báo cáo của nhà thầu, khi hợp đồng xây dựng đã ký qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch,

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

5.1. Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất được ghi nhận trên cơ sở khoản chi phí đầu tư để có được quyền sử dụng đất hợp pháp và các chi phí liên quan đến việc đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng (nếu có) và lệ phí trước bạ.

5.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10-30 năm
- Máy móc, thiết bị	05-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị văn phòng	02-08 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

6.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “trương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

6.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

- Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu tư} \\ \text{tài chính} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại tổ} \\ \text{chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán:

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự} \\ \text{phòng giảm} \\ \text{giá đầu tư} \\ \text{chứng} \\ \text{khoán} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Số lượng chứng} \\ \text{khoán bị giảm giá tại} \\ \text{thời điểm lập Báo} \\ \text{cáo tài chính giữa} \\ \text{niên độ} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán hạch} \\ \text{toán trên sổ} \\ \text{kế toán} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán thực tế} \\ \text{trên thị trường} \end{array}$$

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên các sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác:

Chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn : Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn : Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán bao gồm :

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn ;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn ;
- Các chi phí khác.

Công ty tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ ngắn hạn.

- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí chỉ là lãi vay phải trả, chi phí khác...

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối mỗi kỳ kế toán. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp (hoặc được hoàn nhập ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp) của kỳ kế toán đó. Riêng đối với dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm hàng hoá được ghi nhận vào chi phí bán hàng, dự phòng phải trả về chi phí bảo hành công trình xây lắp được ghi nhận và chi phí chung.

Đối với dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được lập cho từng công trình xây lắp và số đã lập lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) chi phí thực tế phát sinh thì số chênh lệch được hoàn nhập được ghi nhận vào thu nhập khác (hoặc ghi nhận vào chi phí sản xuất chung).

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng biếu sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được biếu, tặng này và các khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước

Nguyên tắc ghi nhận và trình bày cổ phiếu mua lại: Cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại là cổ phiếu quỹ của Công ty. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức: Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

14.1 Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

14.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

14.3. Doanh thu Hợp đồng xây dựng: Phần công việc hoàn thành của hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

14.4. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính..

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

- **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:** Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

- **Thuế thu nhập hoãn lại:** Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.
- Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

17. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ: Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: Cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do Công ty lập không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán hay các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;

Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;

Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. TIỀN

	Số cuối kỳ VND		Số đầu năm VND	
- Tiền mặt	189.469.665		8.482.691	
- Tiền gửi tại ngân hàng	132.772.972		1.137.461.112	
+ Ngân hàng TMCP Á Châu	97.441.703		1.034.034.990	
+ Các Ngân hàng khác	35.331.269		103.426.122	
Cộng	322.242.637		1.145.943.803	

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Công ty TNHH Than Cảng Sài Gòn (*)	1.861.618.687	-	1.861.618.687	-
- Công ty CP Tập đoàn Tài chính Hoàng Minh	-	-	1.664.638.800	-
Cộng	1.861.618.687	-	3.526.257.487	-

(*): Đây là khoản còn phải thu công ty TNHH Than Cảng Sài Gòn theo hợp đồng số 31/2019/HĐMB/TCSG-KPF ngày 29/5/2019 về việc bán 50.000 tấn Than. Thời hạn thanh toán là tháng 01/2020.

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
- Công ty cổ phần SX và thương mại An Phú Hưng	1.068.551.984	-	1.068.551.984	-
- Công ty CP tập đoàn Bắc Đô	1.145.586.402	-	1.145.586.402	-
- Công ty Cổ Phần Khoan Đa Dụng- Xử Lý Nước Nam Sơn Thắng	746.897.000	-	746.897.000	-
Cộng	2.961.035.386	-	2.961.035.386	-

Đây là khoản ứng trước cho các nhà cung cấp thực hiện dự án Khu du lịch sinh thái Prime Resorts & Hotels, đang chờ thực hiện quyết toán

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối kỳ		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Dự phòng	Số đầu năm	
			Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	69.843.337.286	-	41.525.337.286	-
- Công ty TNHH A Type Machine	14.800.000.000			
- Công ty TNHH Đầu Tư và Kinh Doanh Bất Động Sản SKYMARK	12.000.000.000			
- Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Viễn Thông Minh Vi	13.000.000.000			
- Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	30.043.337.286		41.525.337.286	
Cộng	69.843.337.286	-	41.525.337.286	-

Đây là các khoản cho vay tạm thời khi vốn nhân rồi. Thời gian cho vay: 12 tháng kể từ ngày cho vay; Lãi suất cho vay là 5% đến 10%/năm.

Số dư với bên liên quan:

	Công ty con	Đơn vị tính: VND	
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm		30.043.337.286	41.525.337.286
Cộng		30.043.337.286	41.525.337.286

5. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ		Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Dự phòng	Số đầu năm	
			Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	2.236.235.509	-	13.769.153.082	-
- Tạm ứng	4.580.000			
- Phải thu khác	2.231.655.509		13.769.153.082	
+ Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	1.198.442.417		13.290.213.962	
+ Công ty TNHH Sửa Chữa Tàu Biển Vinalines	478.939.120		478.939.120	
+ Công ty TNHH A Type Machine	201.534.247		-	
+ Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Skymart	126.575.342		-	
+ Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Viễn Thông Minh Vi	226.164.383		-	

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Địa chỉ: Tầng 17 Tòa nhà Thaiholdings Tower,

Số 17 Tông Đản, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
b. Dài hạn	191.538.272	-	191.538.272	-
- Ký cược, ký quỹ	191.538.272		191.538.272	
Cộng	2.427.773.781	-	13.960.691.354	-

Số dư với bên liên quan:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
			Đơn vị tính: VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	1.198.442.417		13.290.213.962	
	1.198.442.417		13.290.213.962	

7. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
			Đơn vị tính: VND	
	VND		VND	
- Chi phí sửa chữa văn phòng			1.896.034.581	1.896.034.581
Cộng			1.896.034.581	1.896.034.581

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a. Ngắn hạn	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
			Đơn vị tính: VND	
	VND		VND	
Chi phí thuê văn phòng			172.307.520	172.307.520
b. Dài hạn			29.261.858	115.859.271
Công cụ dụng cụ phân bổ nhiều kỳ			29.261.858	115.859.271
Cộng			201.569.378	288.166.791

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NỘI DUNG	Thiết bị dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải	Đơn vị tính: VND	
			TSCĐ khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ				
Số dư đầu năm	205.936.364		47.300.000	253.236.364
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	205.936.364	-	47.300.000	253.236.364
HAO MÒN TSCĐ				
Số dư đầu năm	93.547.773		22.536.952	116.084.725
Số tăng trong kỳ	29.471.076	-	7.883.334	37.354.410
- Khấu hao trong kỳ	29.471.076		7.883.334	37.354.410
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	123.018.849	-	30.420.286	153.439.135

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Địa chỉ: Tầng 17 Tòa nhà Thaiholdings Tower,

Số 17 Tông Đản, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Số dư đầu năm	112.388.591	-	24.763.048	137.151.639
Số dư cuối kỳ	82.917.515	-	16.879.714	99.797.229

- Giá trị còn lại của tài sản đem cầm cố thế chấp tại ngày 30/06/2020: 0 VND

- Nguyên giá tài sản cố định tại thời điểm 30/06/2020 đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng là: 0 VND.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

NỘI DUNG	Đơn vị tính: VND		
		Phần mềm Bravo	Cộng
NGUYÊN GIÁ TSCĐ			
Số dư đầu năm			-
Số tăng trong kỳ	-	65.000.000	65.000.000
- <i>Mua sắm mới</i>		65.000.000	65.000.000
Số dư cuối kỳ	-	65.000.000	65.000.000
HAO MÒN TSCĐ			
Số dư đầu năm			-
Số tăng trong kỳ	-	1.011.111	1.011.111
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>		1.011.111	1.011.111
Số dư cuối kỳ	-	1.011.111	1.011.111
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	63.988.889	63.988.889

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Địa chỉ: Tầng 17 Tòa nhà Thaiholdings Tower, Số 17 Tông Đản, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	
Đầu tư vào công ty con	139.500.000.000	-	139.500.000.000	139.500.000.000	139.500.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm (*)	139.500.000.000	-	139.500.000.000	139.500.000.000	139.500.000.000
Cộng	139.500.000.000	-	139.500.000.000	139.500.000.000	139.500.000.000

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2020 như sau:

Tên Công ty liên doanh, liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ quyền kiểm soát	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm (*)	Lô D14C - Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, Huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa	93,00%	93,00%	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng nhà các loại; - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật - Hoàn thiện công trình xây dựng; - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

(*) Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm hiện nay là Chủ đầu tư khu Prime Resort với diện tích 13ha tại Lô D14C - Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh, xã Cam Hải Đông, Huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Địa chỉ: Tầng 17 Tòa nhà Thaiholdings Tower,

Số 17 Tông Đản, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	4.365.166.278	4.365.166.278	4.536.089.734	4.536.089.734
Công ty CP ThaiHoldings	229.076.544	229.076.544	-	-
Công ty CP Sản Xuất đồ gỗ Nội thất My House (*)	93.424.902	93.424.902	93.424.902	93.424.902
Cty CP đầu tư xây dựng và phát triển công nghệ Vina AI (*)	1.229.486.832	1.229.486.832	1.229.486.832	1.229.486.832
Công ty CP đầu tư và xây dựng Mạnh Quân (*)	2.813.178.000	2.813.178.000	3.213.178.000	3.213.178.000
Cộng	4.365.166.278	4.365.166.278	4.536.089.734	4.536.089.734

(*): Đây là các nhà thầu thực hiện cung cấp các hạng mục công trình liên quan đến dự án Khu du lịch sinh thái Prime Resorts & Hotels, đang thực hiện quyết toán.

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

Diễn giải	Số đầu năm		Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả
- Thuế TNDN	95.602.263	-	-	-	95.602.263	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	51.218.127	172.933.851	203.696.256	-	20.455.722
- Thuế môn bài	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
- Thuế khác	2.000.000	-	-	-	2.000.000	-
Cộng	97.602.263	51.218.127	176.933.851	207.696.256	97.602.263	20.455.722

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. PHẢI TRẢ KHÁCSố cuối kỳ
VNDSố đầu năm
VND

Ngắn hạn	22.604.750	1.000.000.000
- Bảo hiểm xã hội	15.360.750	-
- Bảo hiểm y tế	6.048.000	-
- Phải trả, phải nộp khác	-	1.000.000.000
+ Trần Thị Dịu Hòa	-	1.000.000.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.196.000	-
Cộng	22.604.750	1.000.000.000

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Địa chỉ: Tầng 17 Tòa nhà Thaiholdings Tower,

Số 17 Tông Đản, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Số dư với các bên liên quan	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bà Trần Thị Dịu Hòa Thành viên HĐQT (Miễn nhiệm từ ngày 31/03/2020)	-	1.000.000.000
Cộng		1.000.000.000

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Diễn giải	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	LNST chưa phân phối	Đơn vị tính: VND	
				Cộng	
Số dư đầu năm trước	171.600.000.000	(30.000.000)	19.256.769.611	190.826.769.611	
Vốn tăng trong năm trước	8.578.960.000	-	-	8.578.960.000	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	17.736.050.526	17.736.050.526	
Chi trả cổ tức bằng tiền	-	-	(8.580.000.000)	(8.580.000.000)	
Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	(8.578.960.000)	(8.578.960.000)	
Số dư cuối năm trước	180.178.960.000	(30.000.000)	19.833.860.137	199.982.820.137	
Số dư đầu năm nay	180.178.960.000	(30.000.000)	19.833.860.137	199.982.820.137	
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	15.700.498.715	15.700.498.715	
Số dư cuối kỳ	180.178.960.000	(30.000.000)	35.534.358.852	215.683.318.852	

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số tiền (MG)	Tỷ lệ	Số tiền (MG)	Tỷ lệ
- Trần Thị Dịu Hòa	25.925.000.000	14%	25.925.000.000	14%
- Lê Anh Đức	22.050.000.000	12%	22.050.000.000	12%
- Nguyễn Hùng Cường	14.450.000.000	8%	14.450.000.000	8%
- Vũ Đức Toàn	33.075.000.000	18%	33.075.000.000	18%
- Đinh Kim Nhung	23.625.000.000	13%	23.625.000.000	13%
- Các cổ đông khác	61.053.960.000	34%	61.053.960.000	34%
Cộng	180.178.960.000	100%	180.178.960.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	180.178.960.000	171.600.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	8.578.960.000
+ Vốn góp cuối kỳ	180.178.960.000	180.178.960.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.017.896	18.017.896
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.017.896	18.017.896
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.017.896	18.017.896
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.017.896	18.017.896
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	18.017.896	18.017.896
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)</i>		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. DOANH THU	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
Tổng doanh thu	-	252.628.085.077
- Doanh thu bán hàng hóa		252.628.085.077
Cộng	-	252.628.085.077
Doanh thu thuần	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
	-	252.628.085.077
- Doanh thu bán hàng hóa	-	252.628.085.077
2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
- Giá vốn bán hàng hóa	-	252.229.121.051
Cộng	-	252.229.121.051
3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
- Lãi tiền gửi	534.450	2.518.730
- Lãi cho vay	1.482.502.427	-
+ Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	928.228.455	-
+ Khác	554.273.972	
- Cổ tức Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	16.787.284.884	-
- Thu lãi từ hợp tác đầu tư cổ phiếu	-	13.000.000.000
+ Cao Thị Thu Hằng	-	6.000.000.000
+ Nguyễn Tuấn Tú	-	7.000.000.000
Cộng	18.270.321.761	13.002.518.730
4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	6 tháng đầu năm 2020 VND	6 tháng đầu năm 2019 VND
- Lãi tiền vay		273.250.000
Cộng	-	273.250.000

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
- Chi phí nhân công	1.272.841.967	4.361.315.223
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	38.365.521	237.002.724
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	86.597.413	318.085.638
- Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	3.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	567.620.838	3.010.768.927
- Chi phí khác bằng tiền	600.000.001	34.244.000
Cộng	2.569.425.740	7.964.416.512

7. THU NHẬP KHÁC	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
- Thu nhập khác		100.000
Cộng	-	100.000

8. CHI PHÍ KHÁC	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
- Chi phí khác	397.306	569.435
Cộng	397.306	569.435

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	1.069.503.249
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	1.069.503.249

Chi tiết chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2020	6 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	15.700.498.715	5.163.346.809
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(16.186.887.578)	184.169.435
Các khoản điều chỉnh tăng	600.397.306	184.169.435
- Chi phí không hợp lệ	397.306	569.435
- Phụ cấp HĐQT không chuyên trách	600.000.000	183.600.000
Các khoản điều chỉnh giảm	(16.787.284.884)	-
- Cổ tức	(16.787.284.884)	
Lợi nhuận chịu thuế	-	5.347.516.244
Thuế suất hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	1.069.503.249
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	1.069.503.249

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

Tài sản tài chính	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	322.242.637		1.145.943.803	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.289.392.468	-	17.486.948.841	-
Các khoản cho vay	69.843.337.286		41.525.337.286	
Đầu tư ngắn hạn	-		-	
Cộng	74.454.972.391	-	60.158.229.930	-

Nợ phải trả tài chính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Vay và nợ		
Phải trả người bán, phải trả khác	4.387.771.028	5.536.089.734
Chi phí phải trả		
Cộng	4.387.771.028	5.536.089.734

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	322.242.637			322.242.637
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.097.854.196	191.538.272		4.289.392.468
Các khoản cho vay	69.843.337.286			69.843.337.286
Cộng	74.263.434.119	191.538.272	-	74.454.972.391
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.145.943.803			1.145.943.803
Phải thu khách hàng, Các khoản cho vay	17.295.410.569	191.538.272		17.486.948.841
Cộng	59.966.691.658	191.538.272	-	60.158.229.930

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Số cuối kỳ				
Phải trả NB, phải trả khác	4.387.771.028			4.387.771.028
Cộng	4.387.771.028	-	-	4.387.771.028
Số đầu năm				
Phải trả NB, phải trả khác	5.536.089.734			5.536.089.734
Cộng	5.536.089.734	-	-	5.536.089.734

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Địa chỉ: Tầng 17 Tòa nhà Thaiholdings Tower,

Số 17 Tông Đản, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

2. BÁO CÁO BỘ PHẬN**Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý (Phân loại hoạt động trong nước và ngoài nước)**

Công ty chỉ hoạt động trong khu vực địa lý Việt Nam

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các bộ phận kinh doanh chính của Công ty như sau:

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	<i>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</i>	Tổng
Doanh thu thuần ra bên ngoài	-	-
Tổng doanh thu thuần	-	-
Chi phí bộ phận	-	-
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	-
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	2.569.425.740
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	(2.569.425.740)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	18.270.321.761
Chi phí tài chính	-	-
Chi phí khác	-	397.306
Thuế TNDN hiện hành	-	-
Lợi nhuận sau thuế	-	15.700.498.715

3. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**3.1 - Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong 6 tháng đầu năm 2020 là: 1.268.565.641 VND.****3.2 - Giao dịch các bên liên quan**

a. Thông tin các bên liên quan

Tên các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	Công ty con
Bà Trần Thị Dịu Hòa	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 31/03/2020)

* Giao dịch với các bên liên quan:

Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm:

	6 tháng đầu năm 2020
- Thu hồi nợ Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm Vay/mượn tạm thời	11.482.000.000
- Dự thu lãi cho Công ty TNHH Đầu tư Cam lâm vay	928.228.455
- Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	16.787.284.884

Bà Trần Thị Dịu Hòa

	6 tháng đầu năm 2020
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Hoàng Minh trả tiền mượn tạm thời	1.000.000.000

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH HOÀNG MINH

Địa chỉ: Tầng 17 Tòa nhà Thaiholdings Tower,

Số 17 Tông Đàn, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Ngoài các thuyết minh với các bên liên quan đã thuyết minh ở các phần liên quan, Trong kỳ không có thêm các phát sinh bên liên quan khác cần trình bày trên Báo cáo tài chính

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh riêng là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01 đến ngày 30/06/2019 đã được công ty TNHH Kiểm toán TTP soát xét; Số liệu trên Bảng Cân đối kế toán riêng là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán TTP kiểm toán.

Người lập



Đinh Thị Thu Hiền

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thu Hiền

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Tổng Giám đốc



Đinh Kim Nhung